

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD23B4
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)		Giáo dục QP - An ninh(2)		Pháp luật(1)		Kinh tế học vi mô(2)		Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)		Soạn thảo văn bản(2)		Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)		Marketing(2)		Giáo dục Chính trị(2)		Điểm TB	Xếp loại		
01	2353403023656	Nguyễn Minh	Dương	01/09/2007	9.6	7.6	9.1	8.2	4.5	7.2	5.9	6.9	8.0	6.9	8.0	6.9	8.0	6.9	8.0	6.9	8.0	6.9	8.0	6.9	Trung bình	
02	2353403023657	Nguyễn Ngọc	Dương	06/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	Yếu	
03	2353403023658	Trần Đăng	Khôi	24/10/2008	9.5	9.8	9.0	8.4	5.7	9.1	6.9	7.4	8.4	7.7	7.4	8.4	7.7	7.4	8.4	7.7	7.4	8.4	7.7	7.7	Khá	
04	2353403023659	Huỳnh Thị Thúy	Nga	12/11/2008	5.6	7.7	8.1	6.9	3.1	6.0	5.3	6.8	7.4	6.0	7.4	6.8	7.4	6.0	7.4	6.8	7.4	6.0	6.0	6.0	Trung bình	
05	2353403023660	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/02/2008	7.4	7.8	8.1	7.0	2.3	6.5	7.6	6.2	8.1	6.5	8.1	6.2	8.1	6.5	8.1	6.2	8.1	6.5	6.5	6.5	Trung bình	
06	2353403023661	Phan Thị Kim	Ngân	29/11/2007	8.7	6.8	8.4	8.0	8.4	7.1	6.5	7.1	6.7	7.3	7.1	6.7	7.3	7.1	6.7	7.3	7.1	6.7	7.3	7.3	Khá	
07	2353403023662	Trần Thanh	Nghĩa	14/11/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu	
08	2353403023663	Trần Thị Bích	Ngọc	30/11/2008	5.6	7.8	9.3	8.5	9.1	7.2	7.5	6.3	9.2	8.0	7.2	7.5	6.3	9.2	8.0	7.2	7.5	6.3	9.2	8.0	Giỏi	
09	2353403023664	Phan Thị Kim	Nguyên	18/10/2008	6.8	7.2	8.0	7.8	8.2	7.0	7.0	6.7	7.9	7.4	6.7	7.9	7.4	6.7	7.9	7.4	6.7	7.9	7.4	7.4	Khá	
10	2353403023665	Nguyễn Thiện	Nhân	19/12/2008	9.0	10.0	7.8	7.7	6.0	7.3	5.9	5.6	6.6	6.6	6.6	5.6	6.6	6.6	6.6	5.6	6.6	6.6	6.6	6.6	6.6	Trung bình
11	2353403023666	Huỳnh Thị Yên	Nhi	09/12/2008	7.8	8.3	6.6	7.2	6.8	6.9	5.7	7.5	6.7	6.7	6.7	7.5	6.7	6.7	7.5	6.7	6.7	7.5	6.7	6.7	6.7	Trung bình
12	2353403023667	Mai Thị Ánh	Như	22/09/2008	5.7	7.6	7.2	8.0	9.0	6.9	7.8	6.3	7.1	7.5	7.8	6.3	7.1	7.5	7.8	6.3	7.1	7.5	7.8	7.5	7.5	Khá
13	2353403023668	Phạm Đăng	Pha	13/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
14	2353403023669	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	10/12/2008	8.0	7.0	8.5	7.9	6.4	6.8	6.0	7.5	7.5	7.1	6.8	6.0	7.5	7.5	7.1	6.8	6.0	7.5	7.5	7.1	7.1	Khá
15	2353403023670	Nguyễn Thị Tổ	Quyên	31/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.0	0.0	0.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	Yếu
16	2353403023671	Mai Hồng Nhật	Tân	30/11/2008	7.8	7.4	7.9	8.2	7.7	7.2	5.9	6.5	7.8	7.2	7.2	6.5	7.8	7.2	7.2	6.5	7.8	7.2	7.2	7.2	7.2	Khá
17	2353403023672	Nguyễn Thanh	Thảo	23/05/2008	8.2	9.4	7.5	8.2	7.5	7.9	5.5	7.5	7.5	7.2	7.9	5.5	7.5	7.5	7.2	7.9	5.5	7.5	7.5	7.2	7.2	Khá
18	2353403023673	Thái Thị Phương	Thảo	15/06/2008	7.4	7.0	7.7	8.2	9.0	6.9	7.0	5.5	8.1	7.4	6.9	7.0	5.5	8.1	7.4	6.9	7.0	5.5	8.1	7.4	7.4	Khá
19	2353403023674	Lê Văn	Thắng	04/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
20	2353403023675	Lê Võ Thi	Thơ	21/08/2008	2.5	0.0	2.7	2.5	3.1	3.2	0.0	2.4	3.2	2.3	3.2	2.4	3.2	2.3	3.2	2.4	3.2	2.3	3.2	2.3	2.3	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh											Xếp loại
					Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Soạn thảo văn bản(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	
21	2353403023676	Lê Anh	Thư	02/08/2008	7.5	7.6	7.4	8.3	8.8	6.6	5.8	7.1	7.8	7.3	Khá
22	2353403025255	Phan Thị Ngọc	Lam	28/09/2008	6.9	7.1	7.9	7.9	8.8	7.4	6.0	6.2	8.3	7.4	Khá
23	2353403025263	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	04/10/2003	0.0	0.0	0.0	2.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.3	Yếu

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG

TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái